

ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ MỞ, TĂNG NHANH NHỊP ĐỘ PHÁT TRIỂN, VIỆT NAM VỮNG TIN TIẾN VÀO THẾ KỶ 21

1. Xuất phát từ đòi hỏi bức xúc của cuộc sống, nhằm đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đi vào thế ổn định và phát triển trong tình hình quốc tế và khu vực đang biến đổi nhanh chóng, đường lối đổi mới của Việt Nam được khởi xướng từ 10 năm trước đây, không ngừng được bổ sung và phát triển trong quá trình thực hiện. Đường lối đó hướng vào việc thực hiện sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường theo hướng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại đi đôi với kiện toàn nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân, vì dân, dân chủ hóa mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội.

2. Chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước ở Việt Nam là một quá trình cải cách sâu rộng, được tiến hành đồng thời trên mấy phương diện có quan hệ gắn bó với nhau:

- Thiết lập các chính sách, thể chế tạo môi trường và hành lang cho kinh tế thị trường phát triển đồng bộ có sự quản lý của nhà nước, thay thế cơ chế kinh tế chỉ huy do nhà nước điều khiển bằng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu. Cải cách từng bước nền hành chính nhà nước phù hợp với môi trường hoạt động trong cơ chế thị trường;

- Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với sự tồn tại và đan xen của nhiều hình thức sở hữu, giải phóng và phát huy mọi nguồn lực của cả dân tộc vào sự nghiệp xây dựng đất nước;

- Xây dựng hệ thống kinh tế mở cả ở trong nước và trong quan hệ với bên ngoài, hướng vào xuất khẩu, từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới và khu vực;

3. Xuất phát từ điều kiện thực tế của đất nước, những giải pháp mà Việt Nam đang tiến hành trong quá

Phát biểu của Phó Thủ tướng Thường trực Chính Phủ CHXHCN Việt Nam Phan Văn Khải tại Diễn đàn Kinh tế Việt Nam do Chính phủ Việt Nam và Diễn đàn Kinh tế thế giới đồng tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 7 đến 8 tháng 4 năm 1995

trình cải cách kinh tế hướng vào mục tiêu xây dựng một nền kinh tế có cơ cấu hợp lý, phát huy được lợi thế so sánh của Việt Nam, đạt nhịp độ tăng trưởng cao và vững chắc với hiệu quả được nâng cao; kết hợp hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho toàn dân trong một xã hội ngày càng công bằng và văn minh.

Trong điều kiện hội nhập với nền kinh tế thế giới và khu vực, Việt Nam sẵn sàng chấp nhận sự cạnh tranh trong sự hợp tác phát triển, tranh thủ vốn và công nghệ nước ngoài cho đầu tư phát triển và nâng cao trình độ khoa học và công nghệ trong nước cũng như kinh nghiệm quản lý.

4. Qua 10 năm kiên trì thực hiện đường lối đổi mới, đến nay những yếu tố cơ bản của nền kinh tế thị trường đã được tạo lập, bước đầu giải phóng sức sản xuất, khơi dậy tính năng động, sáng tạo của nhân dân làm thay đổi căn bản đời sống kinh tế xã hội. Đó là nhân tố chủ yếu đưa đất nước vượt qua được thử thách lớn, đặc biệt là những thử thách gay gắt tới

mức hiểm nghèo trong những năm 1990 - 1991, đạt được những thành tựu quan trọng tạo đà cho sự phát triển tiếp theo.

- Trong 4 năm 1991 - 1995, GDP tăng bình quân hàng năm 8% trong đó nông nghiệp tăng 4,2% công nghiệp tăng 12,6% dịch vụ tăng 8,6% xuất khẩu tăng trên 20%. Trước đây Việt Nam phải thường xuyên nhập khẩu lương thực, nhưng từ năm 1989 đến nay đã liên tục xuất khẩu hàng năm 1,5 - 2 triệu tấn gạo, trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ 3 trên thế giới; Cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ. Trong nông nghiệp tỷ suất nông sản hàng hóa và tỷ trọng của cây công nghiệp và chăn nuôi tăng khá.

- Cùng với việc áp dụng cơ chế giá thị trường, nền tài chính tiền tệ đã đi dần vào thế ổn định, từng bước kiềm chế và đẩy lùi được lạm phát, đưa chỉ số giá hàng tiêu dùng (CPI) từ gần 800% năm 1986 xuống trên dưới 10% trong 3 năm qua; tỷ lệ các nguồn thu ngân sách trong nước liên tục tăng, trong đó thuế và phí chiếm tỷ trọng tuyệt đối trong tổng nguồn thu trong nước.

- Kinh tế đối ngoại phát triển trên nhiều mặt: quan hệ thương mại đã được mở rộng với trên 100 nước và lãnh thổ trên thế giới, kim ngạch xuất khẩu năm 1986 chỉ bằng 36% nhập khẩu, trong những năm 1991 - 1994 tỷ lệ này được nâng lên trên 85%. Tính đến cuối năm 1994, các dự án đầu tư của nước ngoài được cấp giấy phép có tổng số vốn đăng ký gần 12 tỷ USD, trong đó 1/3 số vốn đã được thực hiện. Các nước và các tổ chức tài chính quốc tế đã cam kết hỗ trợ cho Việt Nam trong mấy năm trước hơn 3,8 tỷ USD vốn ODA.

- Đời sống của các tầng lớp dân cư đã từng bước ổn định và cải thiện;



khắc phục về cơ bản nạn đói kinh niên và giảm dần tỷ lệ gia đình nghèo.

5. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trước mắt còn có những mặt khó khăn, tồn tại cần phải phân đấu nhiều để khắc phục. Đó là kinh tế thị trường còn ở trình độ sơ khai, chưa đồng bộ và chưa hoàn toàn vận hành có trật tự, kỷ cương; hiệu quả của nền kinh tế còn thấp; lĩnh vực tài chính, tiền tệ còn nhiều mặt yếu kém; quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô chưa theo kịp yêu cầu đổi mới; nền hành chính quốc gia còn nhiều khuyết tật; các mặt xã hội còn chuyển biến chậm.

6. Cần nhận thức sâu sắc rằng: Việt Nam đang đứng trước thách thức lớn của cuộc chạy đua kinh tế toàn cầu, với sự cạnh tranh gay gắt trong khi trình độ phát triển kinh tế và công nghệ của Việt Nam còn thấp, khả năng tài chính còn rất hạn chế, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn lạc hậu.

Mặt khác, những thành tựu đổi mới cùng với sự khai thông quan hệ quốc tế trong bối cảnh thế giới và khu vực ngày nay đang tạo ra những cơ hội và khả năng mới mà Việt Nam cần tận lực khai thác để đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm tăng nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế một cách bền vững và tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn về văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân. Đối với chính phủ và nhân dân Việt Nam, nguyện vọng tha thiết đồng thời là mệnh lệnh mà cuộc sống đang đặt ra là: phải thoát khỏi tình trạng nước nghèo và lạc hậu, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước xung quanh. Điều đó càng trở nên bức bách khi Việt Nam đang tích cực chuẩn bị để trở thành thành viên chính thức của ASEAN.

7. Những thành tựu đổi mới

trong thời gian qua, đặc biệt là trong những năm 1991 - 1994 cho phép Việt Nam chuyển nền kinh tế sang giai đoạn phát triển mới mà trọng tâm là đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phần đầu đến năm 2000, GDP tăng 2,5 - 2,7 lần so với năm 1990 (không chỉ tăng gấp đôi như mục đích đã đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000).

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm 1996 - 2000 mà Việt Nam đang triển khai xây dựng, dự kiến GDP tăng bình quân 10 - 12%; xuất khẩu tăng 24%/năm, nhập khẩu tăng 22%/năm; vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 50 - 55 tỷ USD, tăng hơn gấp 3 lần 5 năm trước, tỷ lệ đầu tư phải nâng lên 28 - 30% GDP, trong đó trên 50% bằng nguồn vốn trong nước, gần 50% bằng nguồn vốn ngoài nước (bao gồm cả ODA, FDI); chỉ số giá hàng tiêu dùng (CPI) giữ ổn định ở mức trên dưới 10%; năm 2000 dân số khoảng 82 triệu người, tuổi thọ bình quân 70 tuổi, về cơ bản thanh toán xong mù chữ và người lao động trong độ tuổi được phổ cập trình độ tiểu học trở lên.

Trong thời kỳ từ nay đến năm 2000, cơ cấu nông nghiệp sẽ chuyển dịch theo hướng bảo đảm an toàn lương thực đồng thời tăng tỷ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi, phát triển nền nông nghiệp sinh thái đồng thời kết hợp nông nghiệp với công nghiệp - dịch vụ trong một cơ cấu hợp lý, có hiệu quả cao; các ngành công nghiệp tăng bình quân hàng năm 15 - 16%, trong đó một số ngành tăng nhanh, vững chắc như nhiên liệu, năng lượng, vật liệu xây dựng, dệt may và hàng tiêu dùng xuất khẩu, cơ khí - điện tử, chế biến nông sản, thực phẩm và hải sản. Các khu chế xuất, khu công nghiệp đang được khẩn trương xây dựng để tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư trong

nước và nước ngoài; đầu tư của nhà nước tập trung cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trước hết là hệ thống điện, nước, các tuyến giao thông trọng yếu, thông tin liên lạc. Đến năm 2000, tất cả các xã đồng bằng đều có điện thoại và 80% xã vùng cao, miền núi đều có điện.

8. Để vượt qua thách thức lớn và tận dụng cơ hội mới phải tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cải cách kinh tế, kết hợp chặt chẽ với cải cách nền hành chính quốc gia. Những bước tiếp theo của tiến trình đổi mới tập trung vào mấy vấn đề lớn: giải phóng triệt để sức sản xuất, khai thác mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, của mọi tầng lớp dân cư để tăng nhanh tích lũy và đầu tư phát triển; chấn chỉnh tổ chức quản lý và nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước; tạo môi trường thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài; ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục cải cách mạnh mẽ hệ thống tài chính - tiền tệ nâng cao năng lực kiểm soát lạm phát; xúc tiến công cuộc cải cách hành chính theo hướng hoàn thiện hệ thống thể chế nhất quán và ổn định, xây dựng bộ máy hành chính trong sạch, vững mạnh, củng cố trật tự kỷ cương trong hoạt động kinh tế và đời sống.

Cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý phải đáp ứng yêu cầu của hệ thống kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới. Với chính sách đối ngoại "là bạn với tất cả các nước, cùng nhau phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển", Việt Nam hết sức quý trọng thiện chí và sự giúp đỡ của bạn bè trên thế giới, hoan nghênh các nhà kinh doanh nước ngoài đến hợp tác đầu tư, buôn bán, chuyển giao công nghệ và chia sẻ kinh nghiệm với VN. Việt Nam cũng đang không ngừng hoàn thiện môi trường buôn bán và đầu tư ở VN, tạo điều kiện cho sự hợp tác bền vững và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu và lợi ích của nhau.